

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2009/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 11 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước
huyện Hải Lăng năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND;

Xét Tờ trình số 3492/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2008; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước huyện Hải Lăng năm 2008 với các nội dung như sau:

I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	136.392.181.363 đồng
Trong đó ngân sách địa phương được hưởng:	136.300.943.363 đồng
1. Thu ngân sách trên địa bàn:	19.168.334.631 đồng
a) Thu nội địa:	19.168.334.631 đồng
Trong đó ngân sách địa phương được hưởng:	19.077.096.631 đồng
b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:	0 đồng
2. Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước:	11.863.982.732 đồng
3. Thu chuyển nguồn:	0 đồng
4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	105.359.864.000 đồng
a) Thu bổ sung cân đối:	63.980.900.000 đồng
b) Thu bổ sung ngoài kế hoạch:	41.378.964.000 đồng
5. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN:	0 đồng

II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: 115.939.718.473 đồng

1. Các khoản chi trong cân đối ngân sách địa phương: 115.939.718.473 đồng
 - a) Chi đầu tư phát triển: 15.360.062.800 đồng
 - b) Chi thường xuyên: 100.579.655.673 đồng
2. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 0 đồng
3. Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN: 0 đồng

III. TỒN QUỸ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: 20.361.224.890 đồng

Trong đó:

1. Tồn quỹ ngân sách cấp huyện: 13.945.112.641 đồng
2. Tồn quỹ ngân sách cấp xã: 6.416.112.249 đồng

Điều 2. Giao UBND huyện Hải Lăng công khai quyết toán ngân sách nhà nước huyện Hải Lăng năm 2008 và báo cáo với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2008**HUYỆN HẢI LĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 33/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

A. PHẦN THU

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán địa phương năm 2008	Quyết toán năm 2008	So sánh QT/DT (%)
Tổng số	81.352.900.000	136.392.181.363	168%
A. TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	15.757.900.000	19.168.334.631	122%
I. THU NỘI ĐỊA	15.757.900.000	19.168.334.631	122%
Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	15.757.900.000	19.077.096.631	502%
1. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	3.800.000.000	3.926.812.582	103%
- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	3.470.000.000	3.596.076.582	104%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	20.000.000	21.986.000	110%
- Thuế tài nguyên			
- Thuế môn bài	290.000.000	308.750.000	106%
- Thu khác	20.000.000		0%
2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao			
3. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	70.000.000	134.917.500	193%
4. Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng	8.000.000.000		0%
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	190.000.000	247.507.200	130%
6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	100.000.000	96.963.000	97%
7. Lệ phí trước bạ	1.100.000.000	1.124.838.500	102%
8. Thuế nhà đất	310.000.000	417.835.600	135%
9. Thu phí, lệ phí	950.000.000	765.872.000	81%
- Thu phí, lệ phí trung ương		65.551.000	
- Thu phí, lệ phí tỉnh		5.367.000	
- Thu phí, lệ phí huyện, xã	950.000.000	694.954.000	73%
+ Thu phí, lệ phí huyện	29.100.000	4.845.000	17%
+ Thu phí, lệ phí xã	920.900.000	690.109.000	75%

10. Thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		10.780.307.500	
11. Thu sự nghiệp (Không kể thu tại xã)			
12. Thu khác ngân sách	200.000.000	1.104.748.749	564%
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Tỉnh, huyện)			
- Thu phạt, tịch thu khác		108.929.749	
- Thu bán hàng, thanh lý tài sản		14.100.000	
- Thu các khoản huy động đóng góp		100.000.000	
- Thu hồi khoản chi năm trước		88.000.000	
- Thu khác còn lại	200.000.000	793.719.000	397%
13. Thu tại xã	1.037.900.000	568.532.000	53%
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Xã)		529.904.000	
- Thu các khoản huy động đóng góp		22.378.000	
- Thu khác còn lại		16.250.000	
II. THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	0	0	
B. THU CHUYỂN NHIỆM VỤ VÀ THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC		11.863.982.732	
C. THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	65.595.000.000	105.359.864.000	161%
1. Thu bổ sung cân đối	65.595.000.000	63.980.900.000	98%
2. Thu bổ sung ngoài kế hoạch		41.378.964.000	
D. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2008
HUYỆN HẢI LĂNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

B. PHÂN CHI

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán địa phương năm 2008	Quyết toán năm 2008	So sánh QT/DT (%)
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	81.177.900.000	115.939.718.473	143%
A. TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	81.177.900.000	115.939.718.473	143%
I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	12.614.000.000	15.360.062.800	122%
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	12.614.000.000	15.360.062.800	122%
Trong đó:	-		
- Chi đầu tư XD CB tập trung	4.500.000.000	4.845.956.800	108%
- Chi từ nguồn thu tiền đấu giá đất	8.000.000.000	4.371.500.000	55%
- Chi thực hiện CT KCHKM cấp 2 và BTHGTNT		6.142.606.000	
- Chi đầu tư có mục tiêu khác	114.000.000		0%
2. Chi hỗ trợ nhà ở đồng bào dân tộc khó khăn			
II. CHI THƯỜNG XUYÊN	66.489.900.000	100.579.655.673	151%
1. Chi trợ giá (Có cả mặt hàng cho không)			
2. Chi sự nghiệp Kinh tế và Môi trường	1.379.300.000	20.960.450.500	1520%
3. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	40.073.000.000	45.826.542.165	114%
- Chi sự nghiệp Giáo dục	39.444.000.000	45.042.032.165	114%
- Chi sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	629.000.000	784.510.000	125%
4. Chi sự nghiệp Y tế	2.598.092.000	3.028.371.900	117%
5. Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	170.000.000	530.150.250	312%
6. Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin	594.453.000	641.548.879	108%
7. Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	228.646.000	452.435.000	198%
8. Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	260.264.000	359.607.358	138%
9. Chi Bảo đảm xã hội	1.956.268.000	4.768.059.200	244%
10. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	17.945.877.000	21.366.264.921	119%
- Chi quản lý nhà nước	11.354.201.000	13.711.173.908	121%
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị	2.938.892.000	3.452.175.487	117%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	3.491.069.000	3.924.800.626	112%

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội	161.715.000	278.114.900	172%
11. Chi Quốc phòng - An ninh	1.284.000.000	2.185.343.500	170%
- Chi Quốc phòng	993.000.000	1.880.437.200	189%
- Chi An ninh	291.000.000	304.906.300	105%
12. Chi khác ngân sách	175.000.000	460.882.000	263%
III. DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.074.000.000		
B. CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU			
C. CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2008
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2008		Quyết toán năm 2008	So sánh (%)	
		Tính giao	HĐND quyết định		QT /DT tính giao	QT /DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	13.480.000.000	15.757.900.000	19.168.334.631	142%	122%
1	Thu nội địa (Không kể thu từ dầu thô)	13.480.000.000	15.757.900.000	19.168.334.631	142%	122%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN	79.075.000.000	81.352.900.000	136.300.943.363	172%	168%
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	13.480.000.000	15.757.900.000	19.077.096.631	142%	121%
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	8.290.000.000	10.477.900.000	13.472.692.449	163%	129%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.190.000.000	5.280.000.000	5.604.404.182	108%	106%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	65.595.000.000	65.595.000.000	105.359.864.000	161%	161%
	- Bổ sung cân đối	65.595.000.000	65.595.000.000	63.980.900.000	98%	98%
	- Bổ sung có mục tiêu			41.378.964.000		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước					
4	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước			11.863.982.732		

5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước					
C	CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	79.075.000.000	81.352.899.000	115.939.718.473	147%	143%
1	Chi đầu tư phát triển	10.300.000.000	12.614.000.000	15.360.062.800	149%	122%
2	Chi thường xuyên	66.701.000.000	66.664.899.000	100.579.655.673	151%	151%
3	Dự phòng	2.074.000.000	2.074.000.000		0%	0%
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
5	Ghi chi viện trợ					
6	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước					

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2008
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2009/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2008	Quyết toán năm 2008	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			-
I	NGUỒN THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	78.316.200.000	130.746.024.012	220%
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	12.721.200.000	16.384.053.101	129%
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	8.329.500.000	11.966.544.249	144%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.391.700.000	4.417.508.852	101%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	65.595.000.000	105.359.864.000	161%
	- Bổ sung cân đối	65.595.000.000	63.980.900.000	98%
	- Bổ sung có mục tiêu		41.378.964.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		9.002.106.911	
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
II	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	78.315.899.000	116.800.911.371	149%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	66.485.899.000	96.767.681.371	146%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	11.830.000.000	20.033.230.000	169%
	- Bổ sung cân đối	11.830.000.000	12.593.930.000	106%
	- Bổ sung có mục tiêu		7.439.300.000	
B	NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN	-		

I	NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	14.867.000.000	25.588.149.351	172%
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.036.700.000	2.693.043.530	89%
	- Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	2.148.400.000	1.506.148.200	70%
	- Các khoản thu phân chia ngân sách cấp xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	888.300.000	1.186.895.330	134%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	11.830.300.000	20.033.230.000	169%
	- Bổ sung cân đối	11.830.300.000	12.593.930.000	106%
	- Bổ sung có mục tiêu		7.439.300.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư ngân sách năm trước		2.861.875.821	
4	Các khoản thu để lại để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
II	CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	14.867.000.000	19.172.037.102	129%